

Số: 2657/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 30 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Cấp nước
sinh hoạt tập trung xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản ngày 19/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu xây dựng theo Luật Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình 1567/TTr-SKHĐT ngày 30/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo KTKT xây dựng công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Viện Kỹ thuật Biển.

4. Chủ nhiệm lập dự án: KS. Phạm Văn Tùng.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng công trình nhằm cung cấp nước sinh hoạt đạt tiêu chuẩn nước sạch cho khoảng 700 hộ dân tại khu vực trung tâm xã, khu chợ, các trường học, các cơ quan hành chính dọc hai bên tuyến đường QL14, ĐT760 xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, góp phần nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo Quy chuẩn quốc gia lên 90%, trong đó có 50% số dân của xã được sử dụng nước sinh hoạt đạt Quy chuẩn 02 của Bộ Y tế sau khi hoàn thành dự án, đáp ứng tiêu chí xã nông thôn mới. Cải thiện môi trường sống, tình trạng sức khỏe cho người lao động, giúp người dân an tâm sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Đồng thời tạo tập quán sử dụng nước sạch của người dân, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của nhân dân trong công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên nước.

6. Nội dung, quy mô đầu tư, công suất thiết kế:

6.1. Nội dung và quy mô đầu tư: Công trình gồm những hạng mục:

a) Trạm bơm cấp 1: Trạm bơm cấp 1 bơm nước từ hồ Hưng Phú, hình thức lấy nước là nhà phao nổi (phao bơm), kết cấu phao bơm bằng khung thép Inox, kích thước 2,0m x 1m x 1m. Trạm bơm cấp 1 có công suất 32m³/h; trong phao bơm cấp 1 đặt 02 máy bơm hoạt động luân phiên; mỗi máy bơm có thông số kỹ thuật như sau: Lưu lượng Q = 32m³/h, cột nước H = 40m.

b) Nhà quản lý: Nhà cấp 4, diện tích 47,6m². Kết cấu: Móng, cột bằng bê tông cốt thép, kết hợp xây đá chẻ; tường xây gạch ống. Hoàn thiện: Mái lợp tôn; trần tôn lạnh; tường sơn nước; nền lát gạch ceramic; cửa khung thép kết hợp kính.

c) Nhà hóa chất: Nhà cấp 4, diện tích 12m². Kết cấu: Móng xây bằng đá chẻ; tường xây gạch ống. Hoàn thiện: Mái lợp tôn; trần tôn lạnh; tường sơn nước; nền lát gạch ceramic; cửa sổ khung nhôm, kính; cửa đi bằng thép kéo xếp.

d) Bể chứa nước sạch + trạm bơm cấp 2:

- Bể chứa nước sạch: Dung tích 80m³, bể chứa có kích thước dài x rộng x cao (6m x 6m x 2,5m). Bể đặt nửa nổi, nửa chìm, phần chìm dưới đất sâu 1,6m. Kết cấu bể bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M250.

- Trạm bơm cấp 2: Gồm 03 máy bơm hoạt động kết hợp luân phiên. Thông số kỹ thuật của mỗi máy bơm như sau: Lưu lượng Q = 30m³/h, cột nước H = 30m, sử dụng điện 03 pha.

e) Cụm xử lý:

- Bể lắng đứng kết hợp bể phản ứng hình trụ: Gồm 2 lắng đứng bể có kết cấu bê tông cốt thép đá 1x2 M250; mỗi bể lắng đứng có kích thước (dài x rộng x cao) = 3,5m x 3,5m x 5,2m. Bể phản ứng hình trụ có kết cấu bằng inox304 dày 2mm, phía dưới có hệ thống giá đỡ bằng thép hình inox.

- Bể lọc cát: Gồm 2 bể có kết cấu bê tông cốt thép đá 1x2 M250; mỗi bể có kích thước (dài x rộng x cao) = 2m x 1,5m x 5,0m.

- Hệ thống đường ống kỹ thuật: Hệ thống đường ống kỹ thuật khu xử lý gia công chế tạo bằng hệ thống ống sắt tráng kẽm kết hợp cùng ống uPVC.

f) Hạ tầng kỹ thuật khu trạm xử lý:

- San lấp mặt bằng: San lấp khuôn viên trạm xử lý diện tích 1.146m².

- Cổng, tường rào khuôn viên khu trạm: Cổng, tường rào dài tổng cộng khoảng 139m, gồm: Phía mặt tiền chiều dài 29,2m, gồm cổng thép hộp, tường rào xây kết hợp song thép hộp, bảng hiệu trạm. Kết cấu: Móng, cột, dầm, giằng bằng bê tông cốt thép; Các mặt còn lại tường rào có chiều dài 109,8m, tường rào xây gạch kết hợp lưới thép mạ kẽm, cột thép hình. Kết cấu: Móng, cột, dầm, giằng bằng bê tông cốt thép; chiều cao tường rào từ 2,2m-2,6m.

- Sân, đường nội bộ: Sân bê tông lót đá 4x6 M150 dày 10cm, bên trên láng vữa xi măng dày 2cm. Hệ thống tiêu thoát nước, rãnh thoát nước có kết cấu đáy bằng bê tông đá 1x2 M200, dày 10cm, tường xây gạch dày 10cm, phía trên sử dụng tấm đan đá 1x2 M200.

g) Đài nước: Đài nước dung tích 20m³, bồn nước gia công bằng Inox dày 2mm. Khung dàn đài cao 15m, kết cấu bằng thép CT3 .

h) Phần đường ống nước sạch: Tổng chiều dài 14.696m.

Trong đó:

- Tuyến ống nằm hai bên lề đường, sử dụng ống uPVC, chiều dài 14.496 m, bao gồm:

+ Ống nhựa PVC đường kính D168, dày 7mm, dài 545 m.

+ Ống nhựa PVC đường kính D114, dày 5mm, dài 8.150 m

+ Ống nhựa PVC đường kính D90, dày 4mm, dài 3.305 m.

+ Ống nhựa PVC đường kính D60, dày 3mm, dài 2.496 m.

- Phần đường ống nước sạch bằng đường sử dụng ống HDPE, chiều dài 200m, bao gồm:

+ Ống nhựa HDPE đường kính D168, dài 14m.

+ Ống nhựa HDPE đường kính D114, dài 106m.

+ Ống nhựa HDPE đường kính D90, dài 56m.

+ Ống nhựa HDPE đường kính D60, dài 24m.

- Hồ van: Trên hệ thống đường ống bố trí 48 hồ van (điều tiết, xả cạn và xả khí); trụ bảo đường ống, trụ cứu hỏa.

i) Hệ thống điện: Xây dựng 01 trạm biến áp 3 x 15KVA; đường điện trung thế dài 396m; đường điện hạ thế 355m; hệ thống điện chiếu sáng khu nhà trạm và điện động lực.

6.2. Công suất thiết kế: 500 m³/ngày đêm.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng.

8. Diện tích sử dụng đất: Tuyến ống và trạm xử lý chiếm diện tích khoảng 0,9ha.

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước), cấp IV.

10. Phương án xây dựng: Xây dựng mới.

11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Khu đất xây dựng hạng mục nhà trạm thuộc đất công do UBND xã Minh Hưng quản lý. Tuyến ống nước dọc theo hai bên đường QL14, ĐT760, đường liên xã, liên thôn thuộc phạm vi hành lang



lộ giới và một phần đi trên đất của các hộ dân với diện tích không đáng kể, thi công hoàn thành đâu sẽ tiến hành hoàn trả mặt bằng đến đó.

Công trình cấp nước chủ yếu phục vụ dân sinh, nhà nước và nhân dân cùng làm, việc giải phóng mặt bằng được UBND xã cam kết phối hợp với chủ đầu tư vận động hộ dân dọc tuyến ống đi qua cùng thực hiện và không tính chi phí giải tỏa đền bù, không có hộ dân nào mất đất nên không phải bố trí tái định cư.

12. Tổng mức đầu tư: 14.357.271.772 đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 11.343.629.269 đồng
- Chi phí thiết bị: 769.677.205 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 164.715.141 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 787.565.519 đồng
- Chi phí khác: 185.768.507 đồng
- Chi phí dự phòng: 1.105.916.131 đồng

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, vốn phòng chống khắc phục hậu quả hạn hán và vốn do nhân dân đóng góp.

Trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, vốn phòng chống khắc phục hậu quả hạn hán: 10.605.689.805 đồng (chiếm 74%).
- Vốn do nhân dân đóng góp: 3.751.581.967 đồng (chiếm 26%).

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2014 - 2015.

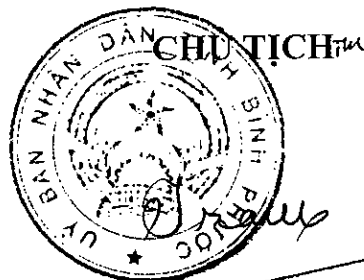
16. Kế hoạch đấu thầu: Bảng kế hoạch đấu thầu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT là Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.


Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT (Nghĩa). *uc*



Nguyễn Văn Trâm


KẾ HOẠCH ĐẦU THẦU BÁO CÁO KTKT
Công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
 (Kèm theo Quyết định số 4650/QĐ-UBND, ngày 30/12/2013 của UBND tỉnh Bình Phước)

ST T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Hình thức hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I.	Xây lắp		Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và vốn phòng chống khắc phục hậu quả hạn hán.					
1	Gói thầu xây lắp số 01: Xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng	7.953.588.887		Đấu thầu rộng rãi	1 túi hồ sơ	Năm 2014	Theo đơn giá cố định	270 ngày
2	Gói thầu xây lắp số 02: Xây dựng và lắp đặt thiết bị đường điện trung thế, hạ thế và trạm biến áp.	428.135.620		Chỉ định thầu		Năm 2014	Theo đơn giá cố định	60 ngày
II	Mua sắm hàng hoá							
1	Bảo hiểm công trình.	27.990.371		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công
III	Dịch vụ tư vấn							
1	Lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu xây lắp số 01.	23.608.157		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	60 ngày
2	Lựa chọn nhà thầu thi công gói thầu xây lắp số 02.	1.879.515		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	30 ngày
3	Giám sát thi công gói thầu xây lắp số 01.	153.814.338		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công
4	Giám sát thi công gói thầu xây lắp số 02.	9.616.386		Chỉ định thầu		Năm 2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công
5	Kiểm toán công trình	50.733.356	Chỉ định thầu		Năm 2015	Trọn gói	30 ngày	

